TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2023/DS-PT
Ngày 19 tháng 12 năm 2023
V/v "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang;

Các Thẩm phán: bà Ngô Ngọc Phỉ; ông Nguyễn Hoàng Thám.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2023/TLPT-DS ngày 02/10/2023 về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 294/2023/QĐ-PT ngày 03/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2023/QĐ-PT ngày 24/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông A, sinh năm 1976, có mặt;

2. Bà B, sinh năm 1981, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: số 339 đường N, khóm B, thị trấn N, huyện S, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: ông A (theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* ông C, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện S, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Luật sư D, Cty Luật

TNHH MTV T; địa chỉ: 10/4 L, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 07/01/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông A và bà B trình bày như sau*:

Nguồn gốc phần diện tích đất đang tranh chấp trước đây của ông C được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01948dH ngày 15/10/1999 đối với phần diện tích 6.283m^2, thửa số 145, 961, tờ bản đồ số 04. Do ông C thiếu nợ tiền của ông Đ theo Bản án số 20/2011/DS-ST ngày 29/4/2011 nên phần diện tích đất này bị kê biên bán đấu giá. Đến năm 2016 ông, bà mua được tài sản đấu giá quyền sử dụng đất diện tích trên theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 146/HĐMB-DTN ngày 26/9/2016 của Công ty TNHH MTV Đấu giá Dũng Trung Nam và đã được Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang giao đất theo biên bản giao nhận tài sản thi hành án. Sau khi nhận đất xong ông, bà trực tiếp sử dụng đến tháng 7/2019. Từ tháng 8/2019 đến nay, ông C vào đất cày xới xuống giống lúa. Sau đó ông, bà có gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã M hòa giải nhưng không thành, ông C không thống nhất giao đất trả cho vợ chồng ông, bà.

Đến ngày 20/4/2020 ông, bà đã được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200, thửa đất số 582, tờ bản đồ số 53, diện tích 5.348m^2 (giảm 935m^2 so với trước đây), mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã làm việc thì ông, bà thống nhất cho ông C được sử dụng phần đất trên đến hết ngày 20/7/2020 (vào thời điểm thu hoạch vụ lúa hè thu năm 2020).

Đến ngày 11/8/2020, ông C lại tiếp tục thuê máy cày để xới đất và xuống giống lúa nên Đoàn kiểm tra Ủy ban nhân dân xã M tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 13/8/2020 về vi phạm trong lĩnh vực đất đai nhưng ông, bà có đơn yêu cầu không xử lý vi phạm hành chính đối với ông C. Nhưng đến nay ông C vẫn không chịu trả phần diện tích cho vợ chồng ông, bà canh tác.

Tại đơn khởi kiện, ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải trả lại thửa đất số 582, tờ bản đồ số 53, diện tích 5.348m^2, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 20/4/2020 mang tên ông A và bà B, địa chỉ khu đất tại ấp P, xã M, huyện S, tỉnh An Giang. Và buộc ông C bồi thường thiệt hại từ khi chiếm đất tạm tính từ tháng 8/2019 đến tháng 01/2021 là 18 tháng theo mức giá bằng giá cho thuê đất 3.000.000đồng/1.000m^2/năm. Tạm tính số tiền 3.000.000đồng/1000m^2/năm x 1,5 năm x 5.348m^2 = 24.055.000đồng và tiếp tục yêu cầu bồi thường thiệt hại cho đến khi Tòa án xét xử.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/6/2022, ông, bà yêu cầu ông C trả lại

diện tích 5.365,6m^2 và bồi thường thiệt hại tương ứng với phần diện tích 5.365,6m^2 từ khi chiếm đất đến ngày xét xử.

** Lời trình bày bị đơn ông C tại bản tự khai ngày 28/6/2022 như sau:* Ông không có thỏa thuận chuyển nhượng gì với ông A và bà B. Ông vẫn đang khiếu nại việc thi hành án sai trái của Cơ quan thi hành án huyện S. Tài sản này không phải là của cá nhân của ông mà là của cả hộ gia đình ông, ông không có quyền quyết định. Từ trước đến nay không có cơ quan nào đến đất ông để đo đạc thì căn cứ nào vợ chồng ông A và bà B kiện tăng thêm diện tích? Việc khởi kiện bổ sung và khởi kiện ban đầu căn cứ vào đâu để kiện? Có cơ sở pháp lý hay không? Vì các lý do dó, ông yêu cầu Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án này. Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm*: nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông C trả lại phần diện tích 17,6m^2 và rút lại một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với phần diện tích 17,6m^2 này; rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại thời gian từ tháng 8/2019 đến ngày 19/4/2020; yêu cầu ông C trả lại thửa đất số 582, tờ bản đồ số 53, diện tích 5.348m^2, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200 và bồi thường thiệt hại từ khi ngày được cấp giấy là ngày 20/4/2020 đến ngày xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B đối với yêu cầu ông C phải trả lại phần diện tích đất là 17.6m^2; phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tương ứng với phần diện tích này và phần bồi thường thiệt hại thời gian từ tháng 8/2019 đến ngày 19/4/2020; nếu sau này có người yêu cầu và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B đối với ông C về việc trả lại phần diện tích đất 5.348m^2: Buộc ông C phải trả lại cho ông A và bà B phần đất diện tích 5.348m^2, được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh S lập ngày 19/10/2021. Phần đất thuộc thửa số 582, tờ bản đồ số 53, toạ lạc tại ấp P, xã M, huyện S, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200 ngày 20/4/2020 do Ủy ban nhân dân huyện S mang tên ông A và bà B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B đối với ông C về yêu cầu bồi thường thiệt hại thời gian từ ngày 20/4/2020 đến ngày 06/7/2023:

Buộc ông C có nghĩa vụ bồi thường cho ông A và bà B số tiền 48.132.000đồng (bốn mươi tám triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, ông C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, Luật sư D, trình bày tranh luận: ngày 14/7/2011, Thi hành án huyện S có kê biên quyền sử dụng đất của ông C, nhưng không rõ tài sản đã giải chấp chưa, không có quyết định cưỡng chế thi hành án đối với ông C. Ngoài ra, đất cấp cho ông C trong thời gian vợ chồng sống chung, nhưng Tòa án không đưa bà T tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án cần phải có văn bản xác định đất cấp cho ông C là cấp cho cá nhân hay cấp cho hộ và Thi hành án cần phải có văn bản kết thúc thi hành án, số tiền phải thi hành án là 192 triệu đồng nhưng bán tài sản 213 triệu đồng, bản án sơ thẩm tuyên ông C có nghĩa vụ về đóng tiền cũng cần phải xem lại. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm định giá lại phần đất tranh chấp, hủy bản án sơ thẩm, thu thập các chứng cứ để giải quyết triệt để trong cùng một vụ án.

Ông C không tranh luận.

Ông A không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: ông C kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo đúng quy định Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, 285, 286 BLTTDS, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm, đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: nguồn gốc phần đất diện tích 5.345m^2 (giảm 935m^2 so với giấy chứng nhận cũ của ông C) trước đây là của ông C. Năm 2011, ông C có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 192.395.000 đồng theo Bản án số 20/2011/DS-ST ngày 29/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện S, nhưng ông C không tự nguyện thi hành án. Quá trình kê biên bán đấu giá tài sản, ông A là người trúng đấu giá tài sản ngày 26/9/2016. Sau khi trúng đấu giá, ông A đã thanh toán đầy đủ và được Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang giao tài sản bán đấu giá theo Quyết định số 29/QĐ-CTHADS ngày 11/10/2016. Đến ngày 20/4/2020, Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200, thửa đất số 582, tờ bản đồ số 53, diện tích 5.348m^2 cho ông A và bà B. Ông C có hành vi chiếm phần diện tích trên và bị Đoàn kiểm tra Ủy ban nhân dân xã M tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 13/8/2020 về vi phạm trong

lĩnh vực đất đai. Theo quy định tại Điều 103 Luật Thi hành án dân sự, ông A là người mua được tài sản bán đấu giá nên có quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp đối với diện tích 5.348m^2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện, ông A và bà B yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại từ ngày ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 20/4/2020 đến ngày xét xử: Mặc dù, ông C biết được phần diện tích đất 5.348m^2 của ông A, bà B đã mua trúng đấu giá và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông C vẫn tiếp tục canh tác, thu hoa lợi từ phần diện tích đất này mang lại. Trong khi đó, ông A, bà B phải bỏ ra một số tiền để mua đấu giá phần diện tích 5.348m^2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200 ngày 20/4/2020 nhưng không được canh tác, hưởng hoa lợi từ phần diện tích này. Việc ông C chiếm đất của ông A, bà B canh tác đã trực tiếp gây thiệt hại cho ông A, bà B. Như vậy, ông A và bà B yêu cầu ông C bồi thường theo giá 3.000.000đồng/1.000m^2/năm là có cơ sở và được tính từ ngày 20/4/2020 đến khi xét xử ngày 06/7/2023 là 3 năm 2 tháng 16 ngày, làm tròn là 03 năm, cụ thể: 5.348m^2 x 3.000.000đ/1.000m^2/năm x 03 năm = 48.132.000 đồng và Tòa án sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Ông C kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng thiếu người tham gia tố tụng, nhưng hồ sơ thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho cá nhân, không phải cấp cho hộ nên cấp sơ thẩm không đưa các thành viên hộ vào tham gia tố tụng là đúng quy định.

Đối với yêu cầu định giá lại tài sản thì thấy đây là vụ án "Đòi quyền sử dụng đất" không phải tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" nên không cần thiết phải định giá lại tài sản.

Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết theo đúng quy định Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu định giá lại phần đất tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá phần đất tranh chấp, các bên tranh chấp đều không có ý kiến phản đối. Nguyên đơn có được quyền sử dụng đất từ trúng đấu giá tài sản kê biên thi hành án và đây là tranh chấp "Đòi tài sản", không phải tranh chấp "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất", nên yêu cầu cấp phúc thẩm định giá lại của người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông A và bà B đã được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200 ngày 20/4/2020 đối với diện tích đất 5.345m^2, thửa đất số 582, tờ bản đồ số 53. Phần đất này trước đây là của ông C, nhưng do ông C không tự nguyện thi hành án theo đơn yêu cầu đối với Bản án số 20/2011/DSST ngày 29/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện S, nên đã bị cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá theo quy định. Ông A là người đã trúng đấu giá và đã được Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang giao tài sản bán đấu giá theo Quyết định số 29/QĐ-CTHADS ngày 11/10/2016. Do đó, ông A và bà B được bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản, quyền sử dụng đối với đất đai theo quy định pháp luật.

Ông C là người có nghĩa vụ thi hành án, nhưng không tự nguyện thi hành án mà bỏ đi làm ăn xa, thường xuyên không có mặt tại địa phương từ năm 2011 (theo trình bày của ông C tại phiên tòa phúc thẩm). Sau khi ông A nhận đất canh tác, ông C có hành vi chiếm phần diện tích trên và đã bị Đoàn kiểm tra Ủy ban nhân dân xã M tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC về vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và có báo cáo trình Ủy ban nhân dân huyện S xem xét chuyển cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C theo quy định. Tại Báo cáo số 245/BC-UBND ngày 13/8/2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C của Ủy ban nhân dân xã M thể hiện nội dung: "Ông C đã có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa với tổng diện tích 5.348m^2; đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện S, tỉnh An Giang; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200 ngày 20/4/2020 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho ông A và bà B. Hành vi của ông C đã vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai….". Tuy nhiên, ông A có đơn yêu cầu không xử lý vi phạm hành chính đối với ông C nên Ủy ban nhân dân huyện S đã có Tờ trình số 225/TTr-UBND ngày 14/10/2020 về việc không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông C.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B đối với ông C về việc trả lại phần diện tích đất 5.348m^2 là có căn cứ.

[2.2] Hành vi chiếm đất của ông C đã trực tiếp gây thiệt hại cho ông A, bà B, làm cho ông A, bà B không được canh tác, thu lợi gì từ phần diện tích đất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình từ ngày 20/4/2020 đến nay. Do vậy, ông C phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông A, bà B.

Về mức bồi thường thiệt hại: Ông A và bà B yêu cầu ông C bồi thường cho ông, bà theo giá cho thuê đất nông nghiệp trên địa bàn huyện S là 3.000.000đ/1.000m^2/năm là phù hợp với kết quả xác minh thông tin giá cho thuê đất nông nghiệp trên địa bàn xã M, huyện S, tỉnh An Giang giai đoạn năm 2014

đến năm 2022 dao động từ 3.000.000đ-3.500.000/1.000m^2/năm. Thời gian bị thiệt hại được tính từ ngày 20/4/2020 đến khi xét xử ngày 06/7/2023 là 3 năm 2 tháng 16 ngày, làm tròn là 03 năm, cụ thể: 5.348m^2 x 3.000.000đ/1.000m^2/năm x 03 năm = 48.132.000 (bốn mươi tám triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[2.3] Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông C và tranh luận của người bảo vệ quyền, lợi ích phợp pháp của ông C là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của ông C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B đối với yêu cầu ông C phải trả lại phần diện tích đất là 17,6m^2; phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tương ứng với phần diện tích này và phần bồi thường thiệt hại thời gian từ tháng 8/2019 đến ngày 19/4/2020; nếu sau này có người yêu cầu và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B đối với ông C về việc trả lại phần diện tích đất 5.348m^2: Buộc ông C phải trả lại cho ông A và bà B phần đất diện tích 5.348m^2, được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh S lập ngày 19/11/2022. Phần đất thuộc thửa số 582, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện S, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02200 ngày 20/4/2020 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp, mang tên ông A và bà B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B đối với ông C về yêu cầu bồi thường thiệt hại thời gian từ ngày 20/4/2020 đến ngày 06/7/2023:

Buộc ông C có nghĩa vụ bồi thường cho ông A và bà B số tiền 48.132.000đồng (bốn mươi tám triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường

hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Ông C có trách nhiệm hoàn trả cho ông A chi phí tố tụng tổng cộng là 3.927.600đ (ba triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông A và bà B số tiền 901.375 đồng (chín trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008214 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Ông C phải chịu 2.407.000 đồng (hai triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: ông C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011979 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Tố Giang